

Số: /QĐ-VHXXH

Nam Gia Nghĩa, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán bổ sung, thu hồi
ngân sách năm 2025 của phòng Văn hóa – Xã hội

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND phường Nam Gia Nghĩa về việc thu hồi, bổ sung kinh phí cho các đơn vị và hoàn trả ngân sách năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 117/TB-KTHTĐT ngày 22/12/2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thẩm tra phân bổ dự toán năm 2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-VHXXH ngày /12/2025 của phòng Văn hóa – Xã hội về việc giao dự toán bổ sung, thu hồi kinh phí năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung, thu hồi dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của phòng Văn hóa – Xã hội:

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị, bộ phận kế toán và toàn thể công chức phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT(lq).

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Xuân

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính*

Đơn vị: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa

Chương: 832

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, THU HỒI CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- VHXX ngày /12/2025 của phòng Văn hóa – Xã hội)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-1.183,885
I	Nguồn ngân sách trong nước	-1.183,885
1	Chi quản lý hành chính	47,852
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 351 nguồn 13)	-10,530
	Kinh phí thực hiện Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư .	-10,530
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 341 nguồn 12)	-121,618
	- Kinh phí đại biểu HĐND	-1,5
	- Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ	-120
	- Kinh phí thăm tặng quà các ngày lễ ngành giáo dục và đào tạo	-0,068
	- Kinh phí tham gia Hội Xuân Liêng Nung, đua thuyền	-0,050
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 341 nguồn 15)	180
	Kinh phí thăm tặng quà các dịp lễ, tết, hỗ trợ khi gặp khó khăn, ốm đau, chết, rủi ro đối với người uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	10
	- Kinh phí hỗ trợ người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số	10
	- Kinh phí thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025	50

	- Kinh phí khen thưởng cho các danh hiệu văn hóa năm 2025	10
	- Kinh phí thi đua khen thưởng (phần còn thiếu so với dự toán đã cấp)	100
2	Chi lĩnh vực Y tế	-558
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 130 khoản 133 - nguồn 12)	-558
	- Kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng người có công năm 2025	-140
	- Kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	-158
	- Kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng Bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và NĐ 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	-260
3	Chi bảo đảm xã hội	-673.737
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 370 khoản 398 - nguồn 12)	-684,237
	- Chính sách hỗ trợ đối tượng Bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và NĐ 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	-500
	- Chính sách hỗ trợ đối tượng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	-183
	- Chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng theo Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND (ngoài đối tượng quy định tại NĐ 20/2021/NĐ-CP)	-1,237
3.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 370 khoản 398 - nguồn 15)	10,500
	- Trợ cấp hàng tháng đối với Nghệ nhân ưu tú có hoàn cảnh khó khăn theo Nghị định 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của CP.	3,500
	- Trợ cấp mai táng đối với đối tượng 2 theo Quy định 430/QĐ-TU ngày 18/9/2025 của Tỉnh ủy Lâm Đồng.	7
4	Chi sự nghiệp Khoa học	
5	Chi sự nghiệp giáo dục	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	

2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	